

Số: 1093/2024/QĐST-HNGĐ

Quận B, ngày 14 tháng 6 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 57 Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 0954/2024/TB-TLVDS ngày 08 tháng 05 năm 2024, về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**Những người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

Ông: **Nguyễn Đức C** sinh năm 1977;

Bà: **Trần Thị Ngọc A**, sinh năm 1980;

Cùng cư trú tại địa chỉ: 334b đường C, Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ vợ chồng:

Ông Nguyễn Đức C và bà Trần Thị Ngọc A tự nguyện chung sống với nhau đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường X quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 79 quyển 01/2000, ngày 29/06/2000.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm. Ông bà đã cố gắng giải hòa, hàn gắn với nhau để tiếp tục chung sống nhưng không có kết quả, hiện ông Chính và bà Chi đã sống ly thân.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông bà đã bàn bạc, thống nhất thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Đức C và bà Trần Thị Ngọc A có 02 người con chung tên Nguyễn Trần Lan Anh, sinh ngày 11/1/2000 (Đã trưởng thành) và Nguyễn Trần Minh Anh, sinh ngày 29/12/2002 (Đã trưởng thành).

[3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Đức C và bà Trần Thị Ngọc A không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[4] Về nợ chung: Ông Nguyễn Đức C và bà Trần Thị Ngọc A không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn giữa Ông Nguyễn Đức C và bà Trần Thị Ngọc A là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và những người yêu cầu đã cùng thống nhất giải quyết được toàn bộ nội dung vụ việc hôn nhân và gia đình về quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về quan hệ vợ chồng: Ông Nguyễn Đức C và bà Trần Thị Ngọc A thống nhất thuận tình ly hôn;

Giấy chứng nhận kết hôn số 79 quyển 01/2000, ngày 29/06/2000 của UBND Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Đức C và bà Trần Thị Ngọc A hết hiệu lực kể từ ngày 14/6/2024.

- Về con chung: Ông Nguyễn Đức C và bà Trần Thị Ngọc A có 02 người con chung tên Nguyễn Trần L, sinh ngày 11/1/2000 (Đã trưởng thành) và Nguyễn Trần M, sinh ngày 29/12/2002 (Đã trưởng thành).

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Đức C và bà Trần Thị Ngọc A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Đức C và bà Trần Thị Ngọc A không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2. Về lệ phí Tòa án:** Lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ, ông Chính và bà Chi mỗi người chịu một nửa, nhưng được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông Chính và bà Chi đã nộp theo biên lai thu tiền số 0023720 ngày 07/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận B. Sau khi cản trừ, ông C và bà A đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Q. B;
- Chi cục THA quận B;
- UBND P.X, quận.B;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

#### **THẨM PHÁN**

**Nguyễn Kiều Trang**